

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 33

03/...
C
M
M
P.P

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên - bổ nhiệm ngày 25/04/2021
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên - bổ nhiệm ngày 25/04/2021
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên - bổ nhiệm ngày 25/04/2021
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên - bổ nhiệm ngày 25/04/2021
Ông Hầu Văn Tuấn	Phó chủ tịch - từ nhiệm ngày 25/04/2021
Ông Bùi Trung Trực	Thành viên - từ nhiệm ngày 25/04/2021
Ông Mai Nam Dương	Thành viên - từ nhiệm ngày 25/04/2021
Ông Lê Văn Quý	Thành viên - từ nhiệm ngày 25/04/2021

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng ban - bổ nhiệm ngày 25/04/2021
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên - bổ nhiệm ngày 25/04/2021
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên
Ông Tô Văn An	Thành viên - từ nhiệm ngày 25/04/2021
Bà Phạm Thị Tâm	Thành viên - từ nhiệm ngày 25/04/2021

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hầu Văn Tuấn	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ông Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Số: 414/2022/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2022 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TÔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022



Lê Võ Thùy Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3525-2021-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		197.779.901.300	90.143.629.223
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	94.713.074.829	34.988.342.863
1. Tiền	111		34.713.074.829	8.588.342.863
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	26.400.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.636.720.952	49.932.067.216
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	59.605.678.184	41.696.761.109
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	28.842.889.332	5.839.519.851
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.174.580.000	134.580.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	6.104.671.436	4.352.304.256
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.091.098.000)	(2.091.098.000)
IV. Hàng tồn kho	140		8.318.653.639	4.898.213.438
1. Hàng tồn kho	141	4.7	8.318.653.639	4.898.213.438
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		111.451.880	325.005.706
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	111.451.880	325.005.706
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.639.598.214	157.404.900.185
I. Tài sản cố định	220		11.523.701.714	12.289.003.685
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	11.487.083.267	12.210.930.410
Nguyên giá	222		93.164.634.339	91.251.861.612
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.677.551.072)	(79.040.931.202)
2. Tài sản cố định vô hình	227		36.618.447	78.073.275
Nguyên giá	228		124.364.500	124.364.500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87.746.053)	(46.291.225)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		145.115.896.500	145.115.896.500
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	145.115.896.500	145.115.896.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		354.419.499.514	247.548.529.408

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		187.774.829.758	72.559.074.438
I. Nợ ngắn hạn	310		187.774.829.758	72.559.074.438
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	29.803.627.317	22.689.420.783
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	143.339.356.762	39.607.018.758
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	1.822.014.346	682.835.988
4. Phải trả người lao động	314		2.925.344.000	2.644.337.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	3.500.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	444.901.518	1.093.370.018
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	1.375.000.000	1.055.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.15	3.465.727.971	4.426.128.182
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.098.857.844	360.963.109
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166.644.669.756	174.989.454.970
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	166.644.669.756	174.989.454.970
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		72.000.000.000	72.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		72.000.000.000	72.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.052.708.180	21.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.071.657.587	60.571.657.587
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.520.303.989	21.365.089.203
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.520.303.989	21.365.089.203
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		354.419.499.514	247.548.529.408



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hầu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	139.534.806.711	144.668.865.208
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	197.268.182
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		139.534.806.711	144.471.597.026
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	121.975.036.931	122.034.862.531
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.559.769.780	22.436.734.495
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	18.848.422.418	18.761.969.973
7. Chi phí tài chính	22	5.4	149.456.836	123.910.910
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>121.999.961</i>	<i>99.165.342</i>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	11.172.471.307	8.252.764.642
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.086.264.055	32.822.028.916
10. Thu nhập khác	31	5.6	2.025.098.321	2.019.611.762
11. Chi phí khác	32	5.7	483.684.830	267.074.280
12. Lợi nhuận khác	40		1.541.413.491	1.752.537.482
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.627.677.546	34.574.566.398
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	1.707.373.557	2.409.477.195
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.920.303.989	32.165.089.203



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hầu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.627.677.546	34.574.566.398
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	4.714.574.698	6.482.010.176
Các khoản dự phòng	03		(960.400.211)	1.483.466.182
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.051.434.419)	(19.515.933.634)
Chi phí lãi vay	06	5.4	121.999.961	99.165.342
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.452.417.575	23.123.274.464
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42.664.653.736)	6.537.503.259
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.420.440.201)	4.363.792.882
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		115.774.022.939	(38.539.086.440)
Tiền lãi vay đã trả	14		(121.999.961)	(99.165.342)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(986.776.342)	(3.768.272.890)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(167.304.682)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		80.032.570.274	(8.549.258.749)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.239.272.727)	(5.278.268.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		470.000.001	901.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(2.160.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		120.000.000	1.043.700.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	18.581.434.418	18.614.115.452
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.772.161.692	15.281.365.452

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	8.400.283.842	2.328.600.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(8.080.283.842)	(2.544.900.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.16.1	(32.400.000.000)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32.080.000.000)	(18.216.300.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		59.724.731.966	(11.484.193.297)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		34.988.342.863	46.472.536.160
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	94.713.074.829	34.988.342.863



Lê Văn Quý
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hầu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 17 tháng 09 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp để tăng vốn điều lệ.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 72.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 55 (31/12/2020: 58).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp:				
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	64,90%	64,90%	64,90%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	201/58 Nguyễn Xi, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP HCM	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty con gián tiếp:				
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	93,60%	93,60%	60,74%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.	100,00%	100,00%	64,90%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 05 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày mục 3.14 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn và các chi phí khác.

3.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.18. Thuế*****Thuế thu nhập doanh nghiệp****Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	42.425.505	96.702.514
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.670.649.324	8.491.640.349
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	26.400.000.000
Cộng	<u>94.713.074.829</u>	<u>34.988.342.863</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 3,50% đến 4,30% tại ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Đầu tư vào công ty con**

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	110.775.469.000	551.650.000.000	-	110.775.469.000	253.110.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	34.340.427.500	59.670.000.000	-	34.340.427.500	-	-
Cộng	145.115.896.500	611.320.000.000	-	145.115.896.500	253.110.000.000	-

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng và Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40 trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31/12/2021.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	10.286.340.454	-
Phải thu từ khách hàng:		
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng	18.669.775.635	-
Các khách hàng khác	30.649.562.095	41.696.761.109
Cộng	59.605.678.184	41.696.761.109

Tại ngày 31/12/2021, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	15.737.757.331	267.188.090
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Trọng Tín Lâm Đồng	3.603.283.000	-
Các đối tượng khác	9.501.849.001	5.572.331.761
Cộng	28.842.889.332	5.839.519.851

Tại ngày 31/12/2021, mỗi khoản trả trước cho các đối tượng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	5.913.146.539	-	4.064.599.039	-
Phải thu khác:				
Phải thu người lao động	145.331.000	-	128.000.000	-
Phải thu khác	46.193.897	-	159.705.217	-
Cộng	6.104.671.436	-	4.352.304.256	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.091.098.000	-	2.091.098.000	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND			Tại ngày 01/01/2021 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần 508 TT QLKT CT Công cộng Huyện Đạtêh	57.338.000	-	3 năm	57.338.000	-	3 năm
	2.033.760.000	-	3 năm	2.033.760.000	-	3 năm
Cộng	2.091.098.000	-		2.091.098.000	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.240.665.199	-	2.339.540.198	-
Hàng hóa	2.077.988.440	-	2.558.673.240	-
Cộng	8.318.653.639	-	4.898.213.438	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÙY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	81.920.168.248	9.158.829.728	172.863.636	91.251.861.612
Mua trong năm	5.157.272.727		82.000.000	5.239.272.727
Phân loại lại				
Thanh lý, nhượng bán	(3.153.636.364)		(172.863.636)	(3.326.500.000)
Tại ngày 31/12/2021	83.923.804.611	9.158.829.728	82.000.000	93.164.634.339
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	72.310.579.454	6.557.488.112	172.863.636	79.040.931.202
Khấu hao trong năm	3.799.296.057	870.938.628	2.885.185	4.673.119.870
Thanh lý, nhượng bán	(1.863.636.364)	-	(172.863.636)	(2.036.500.000)
Tại ngày 31/12/2021	74.246.239.147	7.428.426.740	2.885.185	81.677.551.072
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	9.609.588.794	2.601.341.616	-	12.210.930.410
Tại ngày 31/12/2021	9.677.565.464	1.730.402.988	79.114.815	11.487.083.267

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 68.351.457.068 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	2.824.908.448	2.824.908.448	75.404.335	75.404.335
Phải trả cho người bán:				
Công ty CPĐT & XD Công trình Tây Đô	3.094.603.941	3.094.603.941	2.335.845.057	2.335.845.057
Công ty CP Đầu tư LIMOKA	3.354.749.000	3.354.749.000	1.059.004.000	1.059.004.000
Công ty TNHH Hòa Hiệp	3.525.885.219	3.525.885.219	-	-
Công ty CP XD PT Hạ tầng Bình Thuận	8.399.952.054	8.399.952.054	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	8.603.528.655	8.603.528.655	19.219.167.391	19.219.167.391
Cộng	<u>29.803.627.317</u>	<u>29.803.627.317</u>	<u>22.689.420.783</u>	<u>22.689.420.783</u>

Tại ngày 31/12/2021, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng	92.035.264.999	20.480.358.525
TT QL khai thác Công trình CC Huyện Lâm Hà	39.200.000.000	-
Các khách hàng khác	12.104.091.763	19.126.660.233
Cộng	<u>143.339.356.762</u>	<u>39.607.018.758</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	111.451.880	-	14.084.781.669	14.245.221.800	-	48.988.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	395.591.509	1.707.373.557	986.776.342	325.005.706	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.426.422.837	2.854.688.588	2.062.113.488	-	633.847.737
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	111.451.880	1.822.014.346	18.649.843.814	17.297.111.630	325.005.706	682.835.988

4.12. Chi phí trích trước ngắn hạn

Là khoản chi phí trích trước cho công trình tại ngày 31/12/2021.

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	51.334.033	222.012.033
Các khoản phải trả, phải nộp khác	393.567.485	871.357.985
Cộng	444.901.518	1.093.370.018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	-	-	5.810.283.842	5.810.283.842	-	-
Vay cá nhân	1.375.000.000	1.375.000.000	2.590.000.000	2.270.000.000	1.055.000.000	1.055.000.000
Cộng	1.375.000.000	1.375.000.000	8.400.283.842	8.080.283.842	1.055.000.000	1.055.000.000

Vay cá nhân là khoản vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo lãi suất ngân hàng (6,5%/năm) và không đảm bảo bằng tài sản.

4.15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành các công trình đã thi công đến 31/12/2021 với mức trích dự phòng tùy thuộc vào từng hợp đồng thi công và không vượt quá 5% theo quy định của Nhà nước.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2020	36.000.000.000	21.052.708.180	80.271.657.587	23.817.714.348	161.142.080.115
Tăng vốn trong năm (*)	36.000.000.000	-	(36.000.000.000)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	32.165.089.203	32.165.089.203
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ20-LHC ngày 26/04/2020	-	-	16.300.000.000	(16.300.000.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(317.714.348)	(317.714.348)
Tại ngày 01/01/2021	72.000.000.000	21.052.708.180	60.571.657.587	21.365.089.203	174.989.454.970
Lãi trong năm nay	-	-	-	24.920.303.989	24.920.303.989
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ21-LHC ngày 25/04/2021	-	-	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(32.400.000.000)	(32.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(865.089.203)	(865.089.203)
Tại ngày 31/12/2021	72.000.000.000	21.052.708.180	63.071.657.587	10.520.303.989	166.644.669.756

(*) Chia cổ tức theo Nghị quyết số 01-2021/NQ/HĐQT ngày 27/01/2021 của HĐQT với số tiền là 18.000.000.000 VND (tương ứng 25%) và Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐQT/LHC ngày 08/09/2021 của HĐQT với số tiền là 14.400.000.000 VND (tương ứng 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Vốn góp của các cổ đông	72.000.000.000	72.000.000.000

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	7.200.000	7.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	7.200.000	7.200.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.200.000	7.200.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.4. Cổ tức đã trả

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cổ tức đã trả cho cổ phiếu phổ thông	(32.400.000.000)	(18.000.000.000)

4.16.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2021	60.571.657.587
Trích trong năm	2.500.000.000
Tại ngày 31/12/2021	63.071.657.587

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	139.534.806.711	144.668.865.208
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	18.731.986.429	14.150.909.090

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	121.975.036.931	122.034.862.531

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	153.019.418	920.100.452
Cổ tức, lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 7	18.428.415.000	17.694.015.000
Doanh thu tài chính khác	266.988.000	147.854.521
Cộng	18.848.422.418	18.761.969.973

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	121.999.961	99.165.342
Chi phí tài chính khác	27.456.875	24.745.568
Cộng	149.456.836	123.910.910

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên	7.610.721.538	5.087.216.751
Chi phí vật liệu quản lý	12.500.000	16.354.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	915.278.641	706.689.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	710.145.751	666.887.021
Chi phí khác bằng tiền	1.923.825.377	1.775.616.841
Cộng	11.172.471.307	8.252.764.642

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Thu nhập khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	470.000.001	901.818.182
Thu nhập từ bán đất đai	843.309.998	545.454.545
Thu nhập khác	711.788.322	572.339.035
Cộng	2.025.098.321	2.019.611.762

5.7. Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn từ bán đất đai	480.684.800	253.333.080
Chi phí khác	3.000.030	13.741.200
Cộng	483.684.830	267.074.280

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.809.400.567	94.645.406.903
Chi phí nhân công	17.126.334.070	12.694.696.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.714.574.698	6.482.010.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.883.530.384	9.166.327.184
Chi phí khác bằng tiền	3.514.793.520	3.188.726.663
Cộng	137.048.633.239	126.177.167.371

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	26.627.677.546	34.574.566.398
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng theo Luật thuế TNDN	337.605.240	329.999.997
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm theo Luật thuế TNDN	(18.428.415.000)	(17.694.015.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	8.536.867.786	17.210.551.395
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.707.373.557	3.442.110.279
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị quyết 116/2020/QH14 của Quốc hội	-	(1.032.633.084)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.707.373.557	2.409.477.195

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là thu nhập, chi phí khi tính thuế như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định vượt quá 1,6 tỷ, dự phòng đầu tư vào công ty con và lợi nhuận từ công ty con

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	8.400.283.842	2.328.600.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(8.080.283.842)	(2.544.900.000)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40
2. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát
4. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành
5. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông
6. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty con trực tiếp
 Công ty con trực tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Nhân sự quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	1.397.018.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	8.889.322.454	-
Cộng – Xem thêm mục 4.3	10.286.340.454	-
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước thương mại – Xem thêm mục 4.4		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	15.737.757.331	267.188.090
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tạm ứng:		
Ông Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc	5.813.146.539	3.079.899.039
Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT	-	984.700.000
Ông Kim Ngọc Đăng - Phó Tổng Giám đốc	100.000.000	-
Cộng – Xem thêm mục 4.5	5.913.146.539	4.064.599.039
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả thương mại – Xem thêm mục 4.9:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	(2.824.908.448)	(75.404.335)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	15.547.729.156	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	1.270.016.364	12.641.818.181
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	1.914.240.909	909.090.909
Cộng – Xem thêm mục 5.1	18.731.986.429	14.150.909.090

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua hàng và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	14.368.760.321	12.275.959.039
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	9.478.199.499	145.479.582
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	-	81.818.182
Cộng	23.846.959.820	12.503.256.803
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua tài sản:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	2.580.000.000	-
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thanh lý tài sản:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	454.545.455	-
<p>Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.</p> <p>Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.</p>		
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nhận cổ tức:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	16.225.215.000	16.225.215.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	2.203.200.000	1.468.800.000
Cộng – Xem thêm mục 5.3	18.428.415.000	17.694.015.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	895.250.000	330.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	169.000.000	72.000.000
Ông Bùi Trung Trực – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	140.000.000	60.000.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	140.000.000	60.000.000
Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	165.000.000	60.000.000
Ông Trần Việt Thắng – Thành viên HĐQT được bổ nhiệm ngày 25/04/2021	40.000.000	-
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT được bổ nhiệm ngày 25/04/2021	40.000.000	-
Ông Lý Chủ Hưng – Thành viên HĐQT được bổ nhiệm ngày 25/04/2021	40.000.000	-
Ông Phan Công Ngôn – Thành viên HĐQT được bổ nhiệm ngày 25/04/2021	40.000.000	-
Cộng	1.669.250.000	582.000.000

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Lê Đình Hiến - Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm	-	271.500.000
Ông Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc	485.250.000	289.500.000
Ông Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng Giám đốc	365.250.000	217.500.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Kế toán trưởng	425.250.000	217.500.000
Cộng	1.275.750.000	996.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	2.412.000.000	1.340.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Phó Chủ tịch HĐQT đã miễn nhiệm	371.400.000	322.000.000
Ông Bùi Trung Trực – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	156.600.000	86.200.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm	317.000.000	180.000.000
Ông Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc	206.100.000	114.500.000
Ông Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng Giám đốc	148.500.000	82.500.000
Cộng	3.611.600.000	2.125.200.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Lê Huy Sáu - Trưởng Ban Kiểm soát được bổ nhiệm ngày 25/04/2021	40.000.000	-
Bà Hoàng Thị Lụa - Thành viên Ban Kiểm soát	16.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Liên – Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	60.000.000
Bà Phạm Thị Tâm - Thành viên Ban Kiểm soát đã miễn nhiệm	8.000.000	24.000.000
Ông Tô Văn An - Thành viên Ban Kiểm soát đã miễn nhiệm	8.000.000	24.000.000
Cộng	108.000.000	108.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Lê Huy Sáu - Trưởng Ban Kiểm soát	535.000.000	169.700.000
Bà Hoàng Thị Lụa - Thành viên Ban Kiểm soát	768.600.000	256.200.000
Bà Nguyễn Thị Liên – Thành viên Ban Kiểm soát	238.400.000	188.800.000
Bà Phạm Thị Tâm – Thành viên Ban Kiểm soát đã miễn nhiệm	35.000.000	35.000.000
Ông Tô Văn An – Thành viên Ban Kiểm soát	178.000.000	172.500.000
Cộng	1.755.000.000	822.200.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù chưa tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến 31/12/2021 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Lê Văn Quy
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Hào Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập biểu